

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC VIẾT VĂN KỂ CHUYỆN SÁNG TẠO CHO HỌC SINH CUỐI CẤP TIỂU HỌC TỪ CÁCH TIẾP CẬN TỰ SỰ HỌC

LƯƠNG THỊ HIỂN

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

DƯƠNG THỊ HƯƠNG

Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Nhận bài ngày 22/01/2026. Sửa chữa xong 27/02/2026. Duyệt đăng 28/02/2026.

Abstract

This paper proposes instructional orientations for developing upper primary students' competence in creative narrative writing to meet the competency-based requirements of Grade 6 entrance assessments used by a number of high-quality lower secondary schools. Drawing on narratology (Genette, Bal, Herman), the study identifies core components of storytelling and techniques for organizing narrative progression. On this basis, it outlines a three-phase instructional process (pre-writing, while-writing, and post-writing) and recommends supporting techniques such as the use of visual prompts, mind maps, and 5W1H questioning. In addition, five principles of creative storytelling are suggested to foster students' imagination and enrich their expressive abilities.

Keywords: Competency-based assessment, creative storytelling, narratology, writing process.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, nhiều trường trung học cơ sở (THCS) đã tổ chức kì thi đánh giá năng lực (ĐGNL) để tuyển sinh đầu vào lớp 6. Kì thi này nhằm lựa chọn những học sinh có năng khiếu, năng lực nổi trội, phù hợp với định hướng đào tạo, bản sắc riêng của mỗi nhà trường. Trong năm học 2025–2026 – năm học đầu tiên mà hoạt động đánh giá cuối cấp tiểu học và chuyển cấp THCS đã thực hiện theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018, nhiều trường THCS chất lượng cao trên toàn quốc đã tổ chức kì thi ĐGNL độc lập. Đề thi ĐGNL được thiết kế theo hướng tích hợp đa kĩ năng, khuyến khích học sinh (HS) thể hiện những năng lực đặc thù như năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học; thể hiện năng lực chung như năng lực sáng tạo và giải quyết vấn đề. Đáng chú ý, kiểu bài viết văn kể chuyện sáng tạo được nhiều đề thi ĐGNL môn Tiếng Việt năm 2025–2026 (thực tế là trong cả 5 năm gần đây) lựa chọn. Đáng chú ý là trong Chương trình Giáo dục phổ thông (GDPT) môn Ngữ văn 2018 và sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học, nội dung dạy học viết văn kể chuyện chỉ gồm hai kiểu bài: kể lại và kể sáng tạo câu chuyện đã học, đã đọc, đã nghe. Song, khác với hai kiểu bài kể chuyện quen thuộc với HS lớp 4, lớp 5, đề thi ĐGNL thường yêu cầu thí sinh viết bài văn hoặc đoạn văn kể sáng tạo một câu chuyện hoàn toàn mới; trong đó, chỉ có tình huống hoặc nhân vật được cho sẵn. Độ khó của đề bài này cao hơn, đòi hỏi thí sinh huy động toàn bộ kĩ năng nền tảng đã được rèn luyện trước đó. Đây quả là một thử thách nhưng cũng là một cơ hội để HS khá, giỏi và HS năng khiếu cuối cấp tiểu học thể hiện năng lực ngôn ngữ và văn học nổi trội, kết hợp nhuần nhuyễn tư duy, cảm xúc và khả năng biểu đạt.

Trên thực tế, khi đối diện với dạng bài yêu cầu sáng tạo một câu chuyện mới hoàn toàn, không ít HS cuối cấp tiểu học còn lúng túng, thiếu định hướng triển khai nội dung. Nhiều giáo viên (GV) tiểu học cũng đang trăn trở tìm kiếm những giải pháp hiệu quả nhằm phát triển năng lực viết văn

kể chuyện sáng tạo cho HS khá, giỏi và HS có năng khiếu văn học, nhằm đáp ứng yêu cầu mới của đề thi ĐGNL đầu vào lớp 6. Xuất phát từ thực tiễn đó, bài viết này tập trung vào bao nội dung chính: 1) Khảo sát và phân tích đặc điểm của đề viết văn kể chuyện sáng tạo trong 63 đề thi ĐGNL đầu vào lớp 6 trên toàn quốc năm 2025-2026 (bao gồm cả đề thi minh họa và đề thi thực tế); 2) Nghiên cứu cơ sở lí luận từ tự sự học để định hướng vận dụng vào việc phát triển năng lực viết cho HS cuối cấp tiểu học; 3) Đề xuất quy trình dạy học viết văn kể chuyện sáng tạo với các bước triển khai rõ ràng, cụ thể và có tính khả thi. Trên nền tảng kết hợp giữa lí thuyết tự sự, phương pháp dạy học viết theo quy trình, cùng với phân tích thực tiễn đề thi ĐGNL năm 2025-2026 tại Việt Nam, bài viết hướng tới việc hỗ trợ GV tiểu học xây dựng định hướng triển khai hoạt động dạy học viết hiệu quả. Mục tiêu là phát triển năng lực viết văn kể chuyện sáng tạo cho HS khá, giỏi và HS năng khiếu cuối cấp tiểu học; từ đó, giúp các em đáp ứng tốt yêu cầu của kiểu bài mới trong đề thi ĐGNL tuyển sinh vào lớp 6 của nhiều THCS chất lượng cao.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Kiểu bài kể chuyện sáng tạo trong Chương trình môn Ngữ văn 2018 và đề thi đánh giá năng lực vào lớp 6

2.1.1. Kiểu bài văn kể chuyện sáng tạo trong Chương trình môn Ngữ văn 2018

Trong Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018 và sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học, nội dung viết văn kể chuyện sáng tạo được phân bố chủ yếu ở lớp 4 và lớp 5 với mức độ phức tạp tăng dần. Cụ thể, ở lớp 4, HS được rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn tưởng tượng, dựa vào câu chuyện đã học, đã đọc, đã nghe. Về cơ bản, có thể chia thành bốn kiểu đoạn văn tưởng tượng dựa vào các thao tác phát triển nội dung và hình thức đoạn truyện gốc: 1) Viết thêm chi tiết cho một đoạn trong câu chuyện gốc; 2) Viết đoạn kết thúc mới cho một câu chuyện đã đọc, đã nghe; 3) Viết đoạn văn kể lại cuộc trò chuyện với một nhân vật trong câu chuyện; 4) Viết đoạn văn nhập vai nhân vật để kể lại một sự việc trong câu chuyện [1], [2], [3], [8], [9].

Ở lớp 5, HS được rèn luyện kĩ năng viết bài văn kể chuyện sáng tạo theo hai kiểu bài [1], [2], [4], [6]: 1) Viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng lời của người kể chuyện (ngôi thứ ba): HS nhập vai người kể chuyện đứng bên ngoài, quan sát và tái hiện lại câu chuyện một cách khách quan. 2) Viết bài văn kể chuyện sáng tạo bằng lời của một nhân vật trong truyện (ngôi thứ nhất – xưng “tôi”): Ở dạng này, HS nhập vai một nhân vật tham gia vào câu chuyện, trực tiếp kể lại các sự việc dưới góc nhìn cá nhân. Ngôi kể thứ nhất gợi mở khả năng đồng cảm, giúp HS dễ dàng thể hiện cảm nghĩ của bản thân. Cả hai kiểu bài đều tiếp tục phát triển và tổng hợp những kĩ năng viết mang tính chất nền tảng mà HS đã được học từ lớp 4 như lựa chọn ngôi kể; tưởng tượng các chi tiết, nhân vật; triển khai chuỗi sự kiện; kết hợp ngôn ngữ kể chuyện, miêu tả và biểu cảm.

Nhìn chung, hệ thống bài tập viết đoạn văn, bài văn kể chuyện sáng tạo trong sách giáo khoa Tiếng Việt 4, Tiếng Việt 5 đáp ứng chặt chẽ yêu cầu cần đạt của Chương trình GDPT môn Ngữ văn 2018. Các kiểu bài bước đầu đã tạo điều kiện cho HS vận dụng tư duy sáng tạo dựa trên nội dung truyện có sẵn trong sách giáo khoa hoặc câu chuyện đã đọc, đã nghe. Tuy nhiên, với những HS có năng khiếu văn học và HS khá, giỏi, các kiểu bài viết văn kể chuyện sáng tạo này chưa tạo được không gian cho các em tự kiến tạo cốt truyện, bối cảnh và hệ thống nhân vật riêng, truyền tải thông điệp riêng; phát huy tối đa trí tưởng tượng, sáng tạo và huy động tổng hợp trải nghiệm, vốn sống cá nhân. Các em cần được tiếp cận với những dạng bài kể chuyện có độ mở cao hơn, các thành phần truyện kể không bị giới hạn bởi câu chuyện gốc. Đây là mảnh đất màu mỡ để nuôi dưỡng năng lực tư duy độc lập, bồi đắp cảm xúc thẩm mĩ và khả năng biểu đạt riêng cho mỗi HS.

2.1.2. Kiểu bài văn kể chuyện sáng tạo trong đề thi đánh giá năng lực vào lớp 6

Nghiên cứu này đã tiến hành khảo sát 63 đề thi ĐGNL vào lớp 6 năm học 2025–2026, bao gồm cả đề minh họa và đề chính thức, được triển khai ở nhiều trường THCS công lập, tư thục và trường THCS chất lượng cao trên phạm vi toàn quốc (Bắc - Trung - Nam). Kết quả khảo sát cho thấy: kiểu bài văn nêu tình cảm, cảm xúc chiếm tỉ lệ cao nhất (28,57%), tiếp đến là kiểu bài văn nêu ý kiến (22,22%), kiểu bài văn tả

cảnh (19,05%), kiểu bài văn kể chuyện sáng tạo (17,46%) và kiểu bài văn tả người (7,94%). Các kiểu bài khác như viết thư, giới thiệu, thuật việc... chiếm tỉ lệ còn lại.

Hiện tượng kiểu bài văn nêu tình cảm, cảm xúc và văn nêu ý kiến chiếm tỉ lệ cao phản ánh rõ định hướng đổi mới trong Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 bởi hai thể loại viết này mang tính xuyên suốt các lớp ở tiểu học và còn mới mẻ trong năm học chuyển cấp đầu tiên 2025 - 2026. Tuy chỉ chiếm 17,46% trong tổng số đề được khảo sát, văn kể chuyện sáng tạo vẫn giữ vai trò nổi bật như một công cụ hiệu quả để đánh giá năng lực ngôn ngữ của HS. Đặc biệt, văn kể chuyện sáng tạo xuất hiện đều đặn trong nhiều đề thi tuyển sinh vào các trường THCS chất lượng cao tại các địa phương trong giai đoạn 2020–2025, cho thấy tính ổn định và mức độ ưu tiên của thể loại này trong cấu trúc đề thi. Kiểu bài này đòi hỏi HS phát huy tổng hợp năng lực tạo lập văn bản, tư duy sáng tạo, khả năng tưởng tượng và kiến tạo một thế giới hư cấu mang cảm xúc và thông điệp nhân văn, phù hợp với đặc điểm tâm lí lứa tuổi.

Về mặt định tính, từ kết quả khảo sát, có thể xác định một số đặc điểm riêng biệt của kiểu bài này như sau:

Thứ nhất, đề thi ĐGNL thường sử dụng tình huống mở, gắn với những chủ đề gần gũi trong đời sống HS như bản thân, gia đình, nhà trường, thiên nhiên và môi trường xã hội quen thuộc. Khác với yêu cầu kể lại câu chuyện đã học, đã đọc hoặc đã nghe, đề thi yêu cầu HS kể sáng tạo một câu chuyện mới từ ngôi thứ nhất hoặc ngôi thứ ba với thông điệp, chuỗi sự kiện, nhân vật, tình tiết, lời kể hoàn toàn mới mẻ. Chẳng hạn như đề bài yêu cầu HS tưởng tượng mình là chiếc bình cứu hỏa chứng kiến một vụ cháy và kể lại sự việc, kể lại chuyến phiêu lưu dưới đại dương bằng lời của chú cá nhỏ,...

Ví dụ (1): *"Xóm ngụ cư ven hồ nước oằn mình trong cơn mưa to, gió lớn kinh hoàng. Chiếc tổ mỏng manh bị gió giật rách toang khiến mẹ con Cò Trắng văng ra khỏi tổ. Nhờ sự giúp đỡ kịp thời của những người hàng xóm tốt bụng mà gia đình Cò đã vượt qua cơn hoạn nạn. Hãy tưởng tượng và kể lại câu chuyện ấm áp tình làng nghĩa xóm trên"* (Đề thi ĐGNL vào lớp 6 năm học 2025–2026, Trường THCS Trần Đăng Ninh - Ninh Bình).

Thứ hai, nhiều đề thi ĐGNL tích hợp yếu tố tưởng tượng với mục tiêu giáo dục đạo đức, kĩ năng sống hoặc ý thức cộng đồng, thông qua các chủ đề như phòng cháy chữa cháy, tinh thần tương thân tương ái, bảo vệ môi trường, hành vi ứng xử nhân văn,... HS không chỉ kể sáng tạo một câu chuyện hấp dẫn, mà còn vận dụng trải nghiệm cá nhân để kiến tạo thông điệp có giá trị nhận thức hoặc nhân văn sâu sắc.

Ví dụ (2): *"Cho một tình huống sau: "Trong một buổi sáng mát mẻ, bé Pi được mẹ cho một ít tiền để đi ăn sáng. Khi ra đến đầu cổng dẫn vào quán, Pi nhìn thấy hai mẹ con ăn xin đang ngồi ở đầu hè. Em bé đang còn nhỏ, áo quần rách vá, đang nằm ngủ trên tay người mẹ có nét mặt bơ phờ nhưng hiền hậu. Pi bối rối, đứng suy nghĩ một lúc lâu..." Em hãy viết tiếp câu chuyện về cách ứng xử của Pi và những sự việc mà bạn ấy sẽ gặp phải sau đó bằng một đoạn văn khoảng 10-12 dòng"* (Đề thi ĐGNL vào lớp 6 năm học 2025–2026, Trường THCS và THPT Đông Du - Đắk Lắk).

Thứ ba, một số đề thi có xu hướng xuất phát từ văn bản (thơ hoặc truyện) ngoài SGK để dẫn dắt HS nhập vai một nhân vật trong câu chuyện để kể sáng tạo câu chuyện. Hình thức đề này giúp HS bộc lộ cảm nghĩ cá nhân sâu sắc hơn từ ngôi kể thứ nhất xưng "tôi" hoặc "em".

Ví dụ (3): Đề thi minh họa của Trường THCS Năng khiếu - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội (năm học 2025–2026) sử dụng bài thơ *Sao không về Vàng ơi!* của Trần Đăng Khoa, để dẫn dắt đến yêu cầu: *"Hãy nhập vai cậu bé trong bài thơ trên để kể lại hành trình tìm kiếm chú chó Vàng khi Vàng đi mất (Trình bày bằng một bài văn ngắn)"*.

Thứ tư, yêu cầu về năng lực tạo lập văn bản trong đề bài văn kể chuyện sáng tạo mang tính tổng hợp cao. Thí sinh phải vận dụng linh hoạt các phương tiện ngôn ngữ để kể chuyện, miêu tả, biểu cảm, tạo sự liên kết các chi tiết và làm nổi bật chủ đề xuyên suốt. Chính sự kết hợp giữa các phương thức biểu đạt này đã biến văn kể chuyện sáng tạo thành một bài kiểm tra tổng hợp năng lực ngôn ngữ và tư duy thẩm mĩ có độ phân hóa cao trong các kì thi ĐGNL hiện nay.

2.2. Cơ sở lý luận tự sự học và định hướng ứng dụng vào dạy học viết văn kể chuyện sáng tạo

Tự sự học là ngành nghiên cứu về hình thức, cấu trúc và vận động của các tác phẩm tự sự. Khung lý thuyết này cung cấp hệ thống khái niệm công cụ giúp giáo viên tiểu học có thể hiểu rõ hơn các yếu tố cấu thành nên một tác phẩm kể chuyện; từ đó, vận dụng những tri thức lý luận tự sự học hợp lý trong thực tiễn. Giáo viên có thể hướng dẫn HS từng bước phát huy trí tưởng tượng, chủ động kiến tạo một thế giới truyện mới, làm chủ khả năng diễn đạt cá nhân.

2.2.1. Đặc trưng của thể loại truyện ngắn từ cách tiếp cận tự sự học

Tự sự học đã hình thành những mô hình lý thuyết đa tầng giúp làm rõ các bình diện trần thuật khác nhau. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, chúng tôi không đi sâu vào việc phân loại hay phân biệt các nhánh chuyên sâu của tự sự học, mà chỉ tập trung khai thác những tri thức nền tảng có tính ứng dụng cao, phù hợp với mục tiêu phát triển năng lực viết văn kể chuyện sáng tạo cho HS tiểu học ở cuối cấp. Có thể kể đến một số mô hình tự sự học tiêu biểu như: mô hình các thành tố tự sự nguyên gốc theo D.Herman (2009) [5], mô hình ba tầng của G. Genette (1972) [12] hay phân tích trần thuật ba lớp của M. Bal (1977) [11]. Dù đặc trưng của truyện ngắn đã được định hình rõ nét từ lâu trong lịch sử lý luận văn học, tự sự học vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp một hệ thống công cụ sắc bén. Nó giúp mô hình hóa các đặc trưng thể loại ấy thành những thao tác kỹ thuật cụ thể (lựa chọn ngôi kể, điểm nhìn, cấu trúc cốt truyện...), từ đó tạo điểm tựa sự phạm vững chắc để rèn luyện kỹ năng viết cho HS.

D. Herman (2009) cho rằng một truyện kể nguyên mẫu (*prototypical narrative*) có thể được nhận diện qua bốn đặc điểm cốt lõi: 1) *Situatedness* (Tính ngữ cảnh) – Truyện được đặt trong một tình huống kể cụ thể, có đối tượng, mục đích, thời gian, không gian; 2) *Event sequencing* (Trình tự sự kiện) – Các sự kiện diễn ra theo một trật tự có cấu trúc (theo thời gian hoặc logic nhân quả); 3) *Worldmaking/World disruption* (Xây dựng và phá vỡ thế giới truyện) – Nhân vật đối mặt với xung đột làm thay đổi trạng thái cân bằng ban đầu; 4) *What it's like* (Trải nghiệm chủ thể) – Truyện truyền tải cảm giác "trải nghiệm như thế nào" với ý thức của nhân vật – yếu tố tâm lý, cảm xúc. Như vậy, những luận điểm của Herman đã gợi mở hướng ứng dụng: việc hiểu và giảng dạy bốn yếu tố trên giúp HS kể chuyện hấp dẫn hơn, thay vì chỉ kể "các sự kiện đã xảy ra". Truyện kể cần tái hiện sống động những trải nghiệm về hành động, cảm xúc, xung đột và thay đổi của các nhân vật. Không thể kể sáng tạo câu chuyện chỉ bằng vài dòng kể sự kiện khô khan mà người viết cần tổ chức thế giới nội tâm và ngoại cảnh hư cấu trong tác phẩm với cảm giác chân thật nhất.

G. Genette (1972) - một trong những người đặt nền móng cho tự sự học hiện đại - cũng giới thiệu mô hình phân tích truyện kể ba bình diện: 1) *Histoire* (Câu chuyện): là nội dung được kể – tức là chuỗi sự kiện diễn ra trong thế giới truyện theo trật tự thời gian thực tế; 2) *Récit* (Thoại ngữ tự sự/trần thuật): là cách thức các sự kiện được kể lại trong văn bản bao gồm lựa chọn trật tự kể, điểm nhìn, giọng điệu, cách tổ chức ngôn từ; 3) *Narration* (Hành vi trần thuật): quá trình hoặc hành động làm nảy sinh thoại ngữ, tức là cách thức các sự kiện đó được kể lại trong văn bản, bao gồm điểm nhìn, trật tự kể, giọng kể. Mô hình này cho thấy: truyện kể không chỉ là "chuyện gì đã xảy ra" mà còn là "ai kể", "kể như thế nào", và "để làm gì". Đây là nền tảng lý luận để giáo viên giúp HS kể chuyện sinh động, có tính đến quan hệ tương tác giữa người kể và đối tượng tiếp nhận.

Mô hình của M.Bal (1977), được trình bày trong *Narratology: An Introduction* - dẫn theo Onega và García Landa (1996) - với ba cấp độ phân tích: 1) *Fabula* (cốt truyện) là chuỗi các sự kiện xảy ra theo thứ tự thời gian, có tác nhân hành động, thời gian, địa điểm cụ thể; 2) *Story* (câu chuyện) là cốt truyện đã được tổ chức trong một cấu trúc trần thuật – có quan điểm, có tiêu điểm, có cấu trúc logic; 3) *Text* (văn bản) là sản phẩm ngôn ngữ, kết hợp lời kể, miêu tả, bình luận. Như vậy, câu chuyện chính là cốt truyện đã được "định dạng" và "trình hiện", còn văn bản chỉ là công cụ để truyện được biểu đạt. Đáng chú ý, M.Bal còn cho rằng mỗi tầng bậc gồm các khái niệm hạt nhân, như: trong cốt truyện có sự kiện, thời gian, địa điểm; trong câu chuyện có điểm nhìn, nhịp điệu; trong văn bản có giọng kể, miêu tả, lời thoại... Ba tầng bậc này đan cài và xuyên thấm vào nhau, tạo nên một hệ thống trần thuật thống nhất.

Tóm lại, từ góc nhìn tự sự học, có thể khái quát một số đặc trưng cốt lõi của truyện kể như sau: 1)

Có cấu trúc sự kiện được tổ chức theo trật tự rõ ràng về thời gian, không gian và logic phát triển; 2) Có điểm nhìn trần thuật xác định – tức người kể chuyện là ai, kể theo cách nào; 3) Có hệ thống nhân vật hành động và các mối quan hệ giữa họ; 4) Có sự truyền tải tư tưởng, thông điệp của người kể; và 5) Có tính tương tác giữa người kể và người nghe thông qua ngữ cảnh và động cơ kể chuyện.

2.2.2. Định hướng ứng dụng tự sự học vào dạy học viết văn kể chuyện sáng tạo

Việc tiếp cận truyện kể từ các mô hình lí thuyết như các nhân tố tự sự cơ bản của Herman, các tầng cấu trúc trần thuật của Genette, hay ba cấp độ phân tích của Bal tuy mang tính học thuật, nhưng hoàn toàn có thể được chuyển hóa linh hoạt thành tri thức nền tảng phù hợp với giáo dục tiểu học. Tự sự học cung cấp một hệ thống khái niệm rõ ràng và liên kết, giúp làm sáng tỏ cấu trúc của truyện kể; từ đó, tạo cơ sở sư phạm để thiết kế hoạt động dạy học viết văn kể chuyện sáng tạo mang tính khả thi, hệ thống, phù hợp với đặc điểm tâm lí, nhận thức của HS.

a. Định hướng lựa chọn các thành tố trong cấu trúc truyện kể

Theo tự sự học, truyện kể gồm một số thành tố kết nối trong một cấu trúc chặt chẽ. Trước hết, người kể có thể ở ngôi thứ nhất (trực tiếp nhập vai nhân vật xưng “tôi”, “em”) hoặc ngôi thứ ba (gián tiếp quan sát). Chính việc lựa chọn điểm nhìn này sẽ quy định giọng điệu, thái độ, cảm xúc của người kể đối với những sự kiện, con người trong câu chuyện. Một số đề thi ĐGNL nêu yêu cầu HS “nhập vai”. Chẳng hạn: “Em hãy tưởng tượng và viết bài văn ngắn kể lại câu chuyện thú vị giữa giọt sương và bông hoa.”; “Em hãy đóng vai Gió kể câu chuyện Gió an ủi, giúp đoá Hoa Nhài trở nên vui vẻ.”; “Tưởng tượng mình là một chú cá được bơi khắp nơi dưới đại dương rộng lớn, em hãy kể lại chuyến phiêu lưu của mình bằng đoạn văn ngắn khoảng 12 đến 15 câu.”; “Hãy nhập vai cậu bé trong bài thơ “Sao không về Vàng ơi!” để kể lại hành trình tìm kiếm chú chó Vàng khi Vàng đi mất”.

Bên cạnh đó, nhân vật đóng vai trò như mắt lưới kết nối các sự việc, được khắc họa bởi các phương tiện miêu tả chân dung, kể hành động, nêu suy nghĩ, cảm xúc,... Hành trình của nhân vật được thể hiện đầy đủ qua cốt truyện với không gian, thời gian, bắt đầu từ sự việc đầu tiên, sau đó là chuỗi các sự việc tiếp theo, rồi thử thách mang tính bước ngoặt, cuối cùng là cách ứng xử nhằm giải quyết tình huống để câu chuyện đi vào kết thúc. Nhân vật trong các đề văn kể chuyện sáng tạo thường là trẻ em hoặc các con vật, sự vật mang nhận thức, tình cảm, suy nghĩ của trẻ nhỏ, giúp HS khai thác được những vốn sống và trải nghiệm của mình.

Mỗi truyện kể đều cần có bối cảnh rõ ràng về không gian – thời gian và một trình tự sự kiện hợp lí. Các sự kiện phải có điểm khởi đầu, phát triển, cao trào, bước ngoặt và kết thúc, từ đó dẫn đến thông điệp. Thông điệp có thể hiển lộ (được nói ra rõ ràng) hoặc ngầm ẩn (được gợi qua hành vi, lựa chọn, hậu quả), đòi hỏi người đọc phải suy luận, khái quát. Do vậy, khi viết ra câu chuyện của mình, HS phải xác định được thông điệp mà mình định gửi gắm là gì để quá trình viết được tập trung vào một mục tiêu nhất định.

Sơ đồ cấu trúc 5 phần của một truyện kể thông thường (mở đầu – phát triển – cao trào – giải quyết và kết thúc- thông điệp) chính là công cụ trực quan giúp HS hình dung và tổ chức mạch kể một cách hệ thống. Cấu trúc truyện kể này có thể quan sát như hình 1 dưới đây.

Hình 1: Sơ đồ cấu trúc truyện kể 5 thành phần



GV có thể khéo léo lồng ghép việc cung cấp kiến thức về các yếu tố cấu thành một truyện kể nhằm

giúp HS hình dung rõ lộ trình viết: từ định hướng nội dung đến hình dung sản phẩm cần sáng tạo. Đây chính là nền tảng ban đầu để HS phát huy cảm hứng, trí tưởng tượng và khả năng diễn đạt ngôn ngữ, từ đó đáp ứng yêu cầu của đề bài. Để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ này, bên cạnh việc hướng dẫn HS luyện tập các thao tác phân tích cấu trúc bài văn, đoạn văn như trong các tiết Tập làm văn trên lớp thông thường, GV cần đặc biệt chú trọng đến việc tạo mối liên kết chặt chẽ giữa hoạt động đọc hiểu, đọc mở rộng các văn bản truyện với kĩ năng viết văn kể chuyện sáng tạo.

b. Định hướng sử dụng các kĩ thuật kể chuyện sáng tạo

Để HS không chỉ “kể đủ” mà còn “kể hay”, GV cần hướng dẫn các em vận dụng một số kĩ thuật kể chuyện sáng tạo. Việc viết văn kể chuyện lúc này là quá trình HS huy động tổng hợp các năng lực: năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, năng lực sáng tạo, giải quyết vấn đề,... để kiến tạo thế giới truyện kể mang dấu ấn cá nhân. Để tạo ra những đoạn văn hoặc bài văn đáp ứng yêu cầu viết văn kể chuyện sáng tạo trong đề thi ĐGNL, GV hướng dẫn HS sử dụng “năm nguyên tắc vàng” sau:

Thứ nhất, GV cần hướng dẫn HS vận dụng kĩ thuật kể bằng hành động (*Show, don't tell*). Thay vì sử dụng câu kể khái quát, HS được khuyến khích tái hiện cảm xúc và hành động nhân vật bằng những từ ngữ cụ thể, giàu biểu cảm và gợi tả hình ảnh, âm thanh,... Chẳng hạn, thay vì viết “Tôi rất sợ”, HS viết “Tay tôi run lẩy bẩy, tim đập thình thịch trong lồng ngực”. Việc kể bằng hành động và biểu hiện cụ thể giúp người đọc cảm nhận rõ hơn cảm xúc của nhân vật và diễn biến tâm lí trong mỗi tình huống; từ đó, tăng sức thuyết phục và tính hình tượng của văn bản.

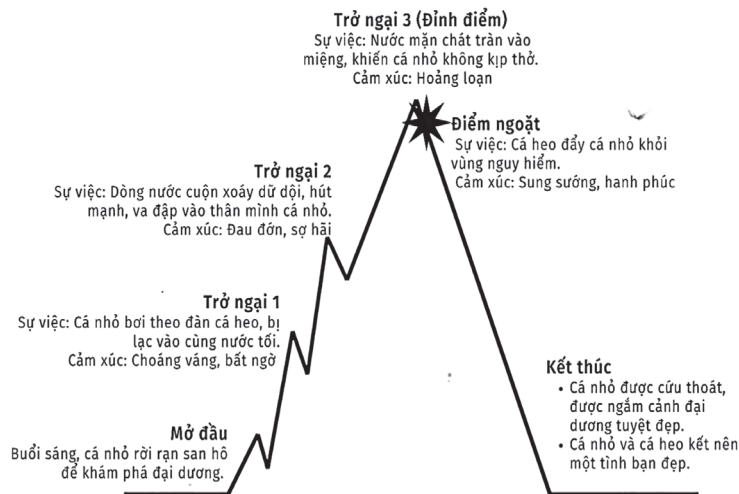
Thứ hai, cần rèn luyện cho HS kĩ thuật huy động năm giác quan (*Five Senses*). Người viết truyện cần khiến người đọc có thể cảm nhận thế giới trong câu chuyện bằng tất cả các giác quan – nhìn, nghe, ngửi, chạm và nếm. Chẳng hạn như *nhìn thấy* “ánh nắng vàng óng trải dài trên con đường quen thuộc”; *nghe thấy* “tiếng ve kêu râm ran như bản nhạc mùa hè, đánh thức trong tôi những kỉ niệm về mái trường thân yêu”; *ngửi thấy* “mùi thịt nướng lan tỏa khắp căn bếp khiến cơn đói thêm cồn cào”; *cảm thấy* “những giọt mưa lành lạnh rơi trên tay, hòa cùng giọt mồ hôi nóng hổi”; *nếm được* “vị chua ngọt của quả dâu da lan tỏa nơi đầu lưỡi”. Khi HS biết “chạm” vào cảm giác bằng ngôn từ, câu chuyện sẽ trở nên sống động hơn.

Thứ ba, GV nên hướng dẫn HS xây dựng cốt truyện có ba thử thách (*Three Trials*). Một truyện kể hấp dẫn cần có chuỗi tình huống tăng dần về độ khó, buộc nhân vật phải vượt qua các trở ngại. Quy tắc “ba thử thách” là khung cơ bản giúp tổ chức mạch truyện mạch lạc, tránh sự đơn điệu: Mỗi nhân vật cần trải qua ít nhất ba tình huống khó khăn, trong đó mỗi thử thách sau phải khó khăn, phức tạp hơn so với thử thách trước.

Thứ tư, HS cần được luyện tập thiết kế bước ngoặt trong cốt truyện (*Turning Point*). Trong cấu trúc tự sự, cao trào là thời điểm căng thẳng nhất – nơi nhân vật buộc phải đưa ra một lựa chọn hoặc hành động mang tính quyết định, từ đó làm thay đổi hướng phát triển của câu chuyện. Để đạt được điều đó, cần thiết kế một “bước ngoặt” – tình huống bất ngờ làm thay đổi hoàn toàn trạng thái trước đó của nhân vật hoặc mạch sự kiện. Bước ngoặt có thể đến từ yếu tố ngoại cảnh (thiên tai, tai nạn, biến cố bất ngờ) hoặc từ nội tâm nhân vật (sự thức tỉnh, sự thay đổi quan điểm, quyết định mang tính bứt phá).

Thứ năm, GV cần nhấn mạnh nguyên tắc “móc xích” (liên kết mạch kể) (*Links*). Chuỗi sự kiện trong truyện cần được kết nối với nhau, đồng thời gắn liền với cảm xúc và tâm trạng nhân vật. Mỗi sự việc là một mắt xích nối tiếp theo các quan hệ khác nhau: nguyên nhân - kết quả; đối lập; song hành,... xuyên suốt từ đầu đến cuối truyện. Cảm xúc, tâm trạng, thái độ phản ứng của nhân vật được miêu tả song song với sự việc, có sự thay đổi hợp lí từ đầu tới cuối, giúp người đọc “đi cùng” nhân vật. Mặt khác, việc sử dụng từ ngữ liên kết như “trước đó”, “đột nhiên”, “không ngờ”, “cuối cùng”, “kể từ đó”... có vai trò quan trọng trong việc tổ chức mạch kể liên mạch, tự nhiên và giàu nhịp điệu.

Hình 2: Sơ đồ thể hiện sự phối hợp ba kỹ thuật kể chuyện



Chẳng hạn, với đề bài: “*Tưởng tượng mình là một chú cá được bơi khắp nơi dưới đại dương rộng lớn, em hãy kể lại chuyến phiêu lưu của mình bằng đoạn văn ngắn khoảng 12 đến 15 câu*”, GV có thể hướng dẫn HS sử dụng kỹ thuật tạo ba thử thách, tạo bước ngoặt và móc xích để cấu tạo một chuỗi sự việc gắn kết chặt chẽ, hướng đến thông điệp “*Khám phá thế giới - hiểu giá trị của lòng dũng cảm và tình bạn*”. Trong chuỗi sự việc đó, nhân vật hiện lên với hành động, việc làm, suy nghĩ và đặc biệt là cảm xúc riêng của mình. Sự phối hợp ba kỹ thuật (tạo ba thử thách, bước ngoặt và móc xích) được thể hiện trong hình 2 trên đây.

2.3. Quy trình tổ chức dạy học viết văn kể chuyện sáng tạo theo cách tiếp cận tự sự học

2.3.1. Giai đoạn trước khi viết

a. Chuẩn bị ý tưởng

Bước chuẩn bị ý tưởng giúp HS xác lập ý tưởng cụ thể để định hướng cốt truyện và thông điệp cho câu chuyện sẽ viết. Trước hết, HS cần xác định thông điệp chính phù hợp với đề bài. Chẳng hạn, với đề: “*Tưởng tượng mình là một chú cá được bơi khắp nơi dưới đại dương rộng lớn, em hãy kể lại chuyến phiêu lưu của mình bằng đoạn văn ngắn khoảng 12–15 câu*”, HS có thể chọn thông điệp như “*Khám phá thế giới - hiểu giá trị của lòng dũng cảm và tình bạn*” hoặc “*Đi một ngày đàng, học một sàng khôn*”. Mỗi thông điệp sẽ chi phối chuỗi sự kiện trong mạch truyện.

Tiếp theo, GV có thể sử dụng kỹ thuật 5W1H (who, where, when, what, why, how) với các câu hỏi *Ai? Ở đâu? Khi nào? Chuyện gì xảy ra? Vì sao? Như thế nào?*, hợp với việc sử dụng sơ đồ để giúp HS phác thảo chuỗi sự việc chính, theo nguyên tắc “*thông điệp trước – sự kiện sau*”. Khi thông điệp đã rõ, mạch truyện và hành động của nhân vật sẽ có định hướng, tránh tản mạn. Với thông điệp “*Khám phá thế giới - hiểu giá trị của lòng dũng cảm và tình bạn*”, chuỗi sự việc được hình thành nhờ kỹ thuật đặt câu hỏi như: *Ai* – chú cá nhỏ; *Ở đâu* – dưới đại dương xanh thẳm, nơi có những rạn san hô rực rỡ; *Khi nào* – vào một buổi sáng nắng vàng chiếu xuyên xuống đáy biển; *Chuyện gì xảy ra* – Bi bơi đi khám phá, ngắm san hô, rồi bị lạc vào vùng nước xoáy tối tăm và cuối cùng được cá heo giúp tìm đường về; *Vì sao* – vì Bi muốn biết biển rộng lớn đến mức nào; *Như thế nào* – Bi vượt qua nhiều cảnh đẹp và thử thách, nhờ sự giúp đỡ của người bạn cá heo. Cách triển khai này giúp HS vừa phát triển ý tưởng một cách có hệ thống, vừa thể hiện được thông điệp xuyên suốt và cảm xúc chân thành trong bài viết.

Bên cạnh đó, GV có thể sử dụng tranh ảnh, video hoặc đồ vật thật nhằm khơi gợi trí tưởng tượng của HS. Khi quan sát bằng nhiều giác quan, HS được kích thích tư duy và cảm xúc, từ đó nảy sinh những ý tưởng phong phú cho câu chuyện. GV có thể gợi mở thêm bằng các câu hỏi “*Điều gì sẽ xảy ra nếu...?*”, khuyến khích HS phát triển tình huống theo hướng mới mẻ, bất ngờ. Hoạt động quan sát – thảo luận nhóm không chỉ khơi dậy trí tưởng tượng, mà còn tạo tâm thế hứng khởi cho hoạt động viết.

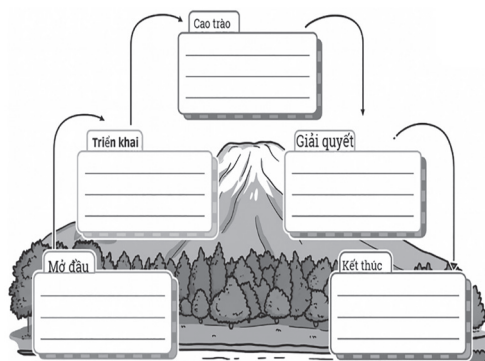
b. Tìm ý, lập dàn ý

Trong quá trình tìm ý, GV có thể sử dụng một số sơ đồ tư duy thú vị để học sinh dễ nhớ. Hình 3 dưới đây là một số ví dụ về mô hình giúp HS tìm ý khi viết văn kể chuyện sáng tạo.

Hình 3: Một số mô hình giúp HS tìm ý



Hình 3.a. Mô hình xúc xắc 5W1H



Hình 3.b. Mô hình cốt truyện quả núi

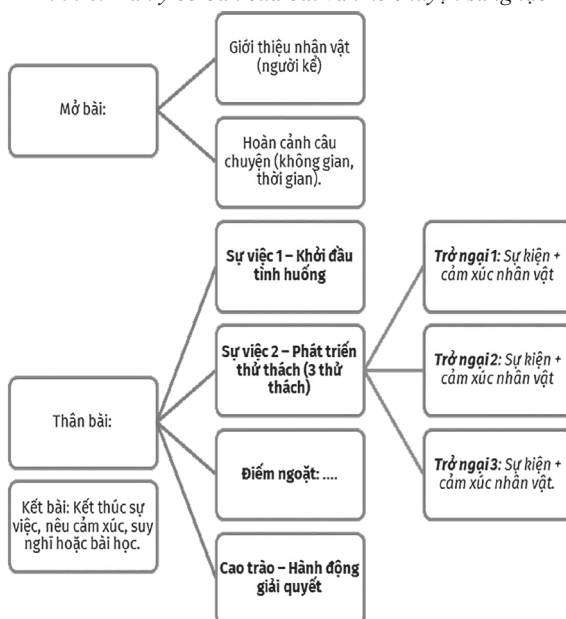
Dàn ý cơ bản cho bài văn kể chuyện sáng tạo gồm ba phần: mở bài, thân bài và kết bài. Mặc dù HS có thể triển khai linh hoạt theo khả năng tưởng tượng, sáng tạo của mình, song nhìn chung dàn ý đều có cấu trúc như hình 4.

2.3.2. Giai đoạn trong khi viết

Mục tiêu của giai đoạn này là giúp mỗi HS viết được câu chuyện của riêng mình thật chân thực, giàu hình ảnh và cảm xúc. Khi bắt tay vào viết, trước hết, HS cần căn cứ vào yêu cầu của đề bài để xác định ngôi kể phù hợp. Nếu chọn kể bằng lời của người kể khách quan, đứng ngoài câu chuyện, HS sử dụng các đại từ, các danh từ thân tộc chỉ đối tượng ở ngôi thứ ba: *nó, chàng, nàng, anh, chị, họ*,... để quy chiếu đến các nhân vật trong truyện. Nếu chọn kể theo hình thức nhập vai vào nhân vật tham gia trực tiếp trong câu chuyện, HS phải xưng *tôi, mình, em, tớ, chúng tôi* một cách nhất quán và lời kể thể hiện rõ trải nghiệm, cảm xúc cá nhân.

Dựa trên dàn ý đã lập, HS vận dụng năm kỹ thuật kể chuyện - “năm chìa khóa vàng” nêu trên để viết đoạn văn, bài văn kể sáng tạo câu chuyện. GV khuyến khích HS viết bằng ngôn ngữ kể chuyện của riêng mình, không sao chép từ nguồn có sẵn hay gò ép theo khuôn mẫu. Trong quá trình viết, HS được khuyến khích xây dựng nhân vật độc đáo với ngoại hình, tài năng, hành động, lời nói, cảm nghĩ,...; miêu tả chi tiết về bối cảnh và con người sao cho sinh động; sắp xếp các sự kiện phát triển trong cốt truyện hợp lý, bất ngờ; đồng thời lồng ghép cảm nghĩ từ trải nghiệm cá nhân được khơi gợi từ giai đoạn chuẩn bị. GV đóng vai trò hỗ trợ, gợi mở vốn từ ngữ và các cách diễn đạt khi cần thiết. Dưới đây là một đoạn văn kể chuyện sáng tạo hoàn chỉnh.

Hình 4: Dàn ý cơ bản của bài văn kể chuyện sáng tạo



Ví dụ (5):

Chào các bạn! Mình là Bi - một chú cá heo dễ thương đến từ đại dương xanh thẳm. Tuần trước, mình đã quyết định rời khỏi rạn san hô quen thuộc để khám phá đại dương. Nước biển trong vắt, những bạn cá nhỏ xíu bơi thành đàn như những dải lụa rực rỡ sắc màu. Mình bơi qua những bụi san hô đỏ thắm, ngắm nhìn những bác sao biển đang nằm thư giãn nghe tiếng sóng du dương. Đang mãi mê ngắm cảnh, mình chợt nghe tiếng “ping” vui tai. Hóa ra là một đàn cá heo đang tung tăng nhảy múa giữa những vệt bọt nước trắng xoá. Mình phấn khích bơi theo, nào ngờ bị cuốn vào một vùng nước tối om. Dòng xoáy mạnh hút mình vào hố đen sâu thẳm không đáy, mắt mình hoa lên, tim đập loạn xạ. Những con sóng va đập vào người mình đau nhức. Nước mặn chất tràn vào miệng, khiến mình nghẹt thở. Đúng trong lúc mình hoảng loạn nhất, một bạn cá heo bất ngờ quay lại, dùng mũi đẩy mình thoát khỏi vòng xoáy dữ, chuyển sang một vùng nước sáng. Trước mắt mình mở ra một khu vườn san hô lung linh sắc màu, những bông hải quỳ đang đưa như đang chào đón. Chúng mình nô đùa một lúc rồi cùng trở về nhà. Chuyến phiêu lưu ấy giúp mình hiểu rằng biển cả vừa kì diệu vừa tiềm ẩn biết bao nguy hiểm. Nhưng quan trọng hơn tất cả, mình rất vui vì đã kết bạn được với cá heo xanh, một người bạn mới tuyệt vời làm sao.

2.3.3. Giai đoạn sau khi viết

Sau khi hoàn thành bài viết, HS bước vào giai đoạn chỉnh sửa và chia sẻ để hoàn thiện sản phẩm của mình. Đây là lúc HS học cách nhìn lại, lắng nghe và hợp tác. Trước hết, đọc bài cho bạn nghe và trao đổi ý kiến thẳng thắn để giúp nhau viết tốt hơn. GV có thể gợi ý câu hỏi cho HS tự đánh giá lẫn nhau: “*Bạn thích hai điều gì trong bài viết? Có một điều gì cần chỉnh sửa không?*”. Cách phản hồi tích cực này giúp các em vừa được khích lệ vừa có định hướng chỉnh sửa cụ thể. Thông qua thảo luận, HS nhận ra sự đa dạng trong cách kể và hiểu rằng không có một khuôn mẫu duy nhất cho sáng tạo. Dựa trên phản hồi của thầy cô và bạn bè, các em sẽ chỉnh sửa lại câu chuyện của mình như bổ sung chi tiết, sửa lỗi diễn đạt hoặc thêm thắt hình ảnh. Chẳng hạn, HS sử dụng thêm các từ ngữ nối như *trước tiên, sau đó, cuối cùng, vì vậy, tuy nhiên,...* để mạch kể trở nên liền mạch và logic hơn. Cuối cùng, HS được đọc to để chia sẻ bài viết của mình trước lớp, trong nhóm hoặc tham gia trưng bày “*ấn phẩm*” của mình tại bảng tin. Đọc to bài viết giúp HS cảm nhận nhịp điệu của câu chuyện, rèn luyện sự tự tin, khả năng trình bày trước nhiều người khác. Qua hoạt động này, HS hiểu rằng viết không phải là công việc đơn lẻ, mà là một quá trình hợp tác, lắng nghe và tôn trọng ý tưởng của nhau – những phẩm chất quan trọng mà việc kể chuyện sáng tạo mang lại cho HS tiểu học.

3. Kết luận

Kiểu bài văn kể chuyện sáng tạo trong đề thi ĐGNL vào lớp 6 mang tính “mở”, đánh giá tích hợp nhiều kĩ năng sử dụng ngôn ngữ của HS và có tính phân loại cao. Bài viết này đã tiếp cận vấn đề từ ba phương diện chính. Trước hết, bằng việc khảo sát thực tiễn đề thi ĐGNL, chúng tôi xác định rõ vị trí, đặc điểm và yêu cầu của kiểu bài văn kể chuyện sáng tạo. Sau đó, bài viết trình bày cách tiếp cận từ lí thuyết tự sự học hiện đại nhằm xác định các thành phần cốt lõi làm nên một truyện kể: nhân vật, sự kiện, bối cảnh, điểm nhìn, giọng kể và thông điệp. Cuối cùng, chúng tôi đề xuất quy trình dạy học viết văn kể chuyện sáng tạo theo hướng phát triển năng lực bao gồm ba giai đoạn rõ ràng: trước khi viết – trong khi viết – sau khi viết, với các biện pháp, kĩ thuật hỗ trợ HS cụ thể. Điểm nổi bật của quy trình này là sự tích hợp giữa nền tảng lí thuyết tự sự học và phương pháp dạy học viết theo quy trình. Năm “*chìa khóa vàng*” như kể bằng hành động, huy động giác quan, thiết kế thử thách, tạo bước ngoặt, móc xích cảm xúc giúp HS viết những câu chuyện có cấu trúc hợp lí, bước đầu tưởng tượng được thế giới nghệ thuật sinh động, hướng đến thông điệp nhân văn.

Văn kể chuyện sáng tạo là một dạng bài viết mới trong chương trình Tiếng Việt tiểu học 2018, đồng thời cũng là một thử thách đáng kể trong các đề thi đánh giá năng lực vào lớp 6 của các trường chất lượng cao. Để làm tốt dạng bài này, HS cần trải qua quá trình ôn luyện nghiêm túc, từ việc nắm vững kiến thức và kĩ năng nền tảng đến rèn luyện các kĩ thuật viết cụ thể. Tuy nhiên, nếu không đặt nặng mục tiêu điểm số hay cạnh tranh, với những gợi ý và định hướng được giới thiệu trong bài viết, HS hoàn

toàn có thể từng bước rèn luyện, phát triển năng lực sáng tạo, tự tin thể hiện trí tưởng tượng và thế giới nội tâm phong phú của mình, phù hợp với tâm lí và nhận thức lứa tuổi.

Chú thích:

(*) Bài viết có sử dụng dữ liệu từ một số đề thi đánh giá năng lực vào lớp 6 trường THCS năm 2025-2026.

Tài liệu tham khảo

[1] Berman, R. A. & Slobin, D. I. (Eds.) (2013). *Relating events in narrative: A crosslinguistic developmental study*. Psychology Press.

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*.

[3] Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên) (2023). *Tiếng Việt 4* (tập 1, 2). NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4] Bùi Mạnh Hùng (tổng chủ biên) (2024). *Tiếng Việt 5* (tập 1, 2). NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[5] Graham, S. & Harris, K. R. (2006). *Strategy instruction and the teaching of writing*. *Handbook of writing research*, 5(2), 187–207.

[6] Herman, D. (2009). *Basic Elements of Narrative*. Oxford, Wiley-Blackwell.

[7] Lê Thời Tân (2008). *Tự sự học: tên gọi, lược sử và một số vấn đề lí thuyết*. Tạp chí Nghiên cứu Văn học, số 10.

[8] Lương Thị Hiền & Phạm Thị Thu Hiền (đồng chủ biên) (2024). *Bộ đề kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh tuyển sinh vào lớp 6 trường chất lượng cao, môn Tiếng Việt*. NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[9] Nguyễn Minh Thuyết (tổng chủ biên, 2023). *Tiếng Việt 4* (tập 1, 2). TP. Hồ Chí Minh, NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

[10] Nguyễn Minh Thuyết (tổng chủ biên) (2024). *Tiếng Việt 5* (tập 1, 2). TP. Hồ Chí Minh, NXB Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

[11] Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng chủ biên, 2023). *Tiếng Việt 4* (tập 1, 2). NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[12] Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng chủ biên, 2024). *Tiếng Việt 5* (tập 1, 2). NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[13] Onega, S. & García Landa, J. A. (1996). *Narratology: An Introduction* (Bản dịch và tóm lược: Lê Lưu Oanh, Nguyễn Đức Nga (2011)). London, Longman.

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ VAI TRÒ...

Tiếp theo trang 22

4. Kết luận

Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cao vai trò của Quân đội trong công tác dân vận, góp phần xây dựng và củng cố mối quan hệ mật thiết với Nhân dân. Những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò của Quân đội đối với công tác dân vận cho đến nay vẫn vẹn nguyên giá trị lý luận và thực tiễn, trở thành nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho Quân đội trong triển khai thực hiện công tác dân vận. Trong những năm qua, Quân đội ta đã tích cực triển khai công tác dân vận và thực tiễn đã ghi nhận những kết quả quan trọng, song vẫn còn những hạn chế nhất định cần khắc phục. Do đó, tiếp tục nghiên cứu và vận dụng quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào thực tiễn công tác dân vận của Quân đội là rất cần thiết.

Tài liệu tham khảo

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 3, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[3] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 5, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[4] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 6, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[5] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 7, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[6] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 8, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[7] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 10, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[8] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 12, 2011), NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[9] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 14, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[10] *Hồ Chí Minh Toàn tập* (tập 15, 2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội.

[11] Bé Hải Triều (2024). *Quân đội nhân dân Việt Nam phát huy vai trò “đội quân công tác”, gắn bó máu thịt với nhân dân*. Nguồn: <http://danvan.vn>, ngày 21/10/2024.